TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG** **------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26-5-2017
Tranh chấp V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét sử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Thế Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Minh

2. Bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu- Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 26 tháng 5 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 về việc *"Ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06a/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị A, sinh năm 1991; địa chỉ nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương *(Có mặt)*;

2. Bị đơn: Anh B, sinh năm 1989; địa chỉ nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện M, tỉnh Hải Dương *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2017, biên bản lấy lời khai, hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là chị A trình bày:

Chị và anh B kết hôn dựa trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/9/2012.

Sau một thời gian chung sống thì anh B thường xuyên đi qua đêm rồi về gây gổ, chửi bới, đập phá đồ đạc, hành hung chị. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần, bản thân chị cũng đã cố gắng giúp anh sửa đổi nhưng anh B

không sửa đổi được. Do những mâu thuẫn nghiêm trọng, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên anh, chị đã ly thân, chị về sống với mẹ đẻ tại xã T, huyện M từ ngày 30/5/2014 đến nay.

Nay, chị và anh B không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, chị đề nghị Tòa giải quyết ly hôn với anh B.

Về con chung; Tài sản, nợ chung không có. Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là anh B đến trụ sở Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị A, nhưng anh B đều cố tình vắng mặt, không có lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết, giao cho bố đẻ là người cùng cư trú với bị đơn các thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hòa giải, công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Nhưng, anh B vẫn cố tình không tới Tòa để giải quyết yêu cầu ly hôn của chị A.

Do việc anh B không chịu đến Tòa giải quyết vụ việc và theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng qua đại diện chính quyền địa phương, trưởng thôn, mặt trận tổ quốc nơi cư trú của vợ chồng và các nhân chứng là đại diện của gia đình cùng cư trú với vợ chồng, đã cung cấp: Quá trình vợ chồng chị A, anh B chung sống với nhau thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau mỗi người một cách nghĩ, hay ghen tuông, gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên đến năm 2014 thì chị A về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và ly thân với anh B từ đó đến nay. Bố đẻ anh B cũng xác nhận việc đã nhận hộ cho anh B các văn bản thông báo, triệu tập của Tòa đến giải quyết, hòa giải, công khai chứng cứ và đã trực tiếp giao tận tay cho con trai là anh B, anh B đã xác định nhất trí ly hôn với chị A, nhưng không đến Tòa để giải quyết và để tùy Tòa án cứ giải quyết vụ, việc theo quy định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Bị đơn - anh B đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn được Tòa triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhiều lần, nhưng đều vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết là không chấp hành đúng quyền nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng chị A, anh B đã đến mức trầm trọng đề nghị giải quyết cho ly hôn; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện M, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh B đã được triệu tập hợp lệ tới phiên tòa nhiều lần, nhưng đều vắng mặt không lý do, nên Tòa xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[2] *Đối với yêu cầu ly hôn:* Chị A và anh B được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M ngày 21/9/2012 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của chị A tại phiên tòa, lời khai của những người làm chứng, cung cấp của ban ngành đoàn thể địa phương nơi vợ chồng cư trú có đủ cơ sở để xác định vợ chồng chị A, anh B chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân, mà chủ yếu do vợ chồng không hợp nhau mỗi người một cách nghĩ, hay ghen tuông dẫn tới việc anh chị không quan tâm xây dựng cuộc sống chung hạnh phúc. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay, không còn ai quan tâm đến ai. Thực tế quá trình giải quyết anh cũng thể hiện quan điểm về việc nhất trí ly hôn và bỏ mặc việc chị xin ly hôn, không đến tòa hòa giải đoàn tụ chứng tỏ không muốn níu kéo tình cảm vợ chồng là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung, tài sản, nợ chung vợ chồng:* Không có, không ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] *Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị A là nguyên đơn trong vụ án Hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị A ly hôn với anh B.

3. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện M, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AB/2014/003764 ngày 13/3/2017, chị A đã nộp xong án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị đơn vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện M;*
- *Chi cục THA huyện M;*
- *UBND xã C, huyện M;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu V.P*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thế Hưng